| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CAO LÃNH**<br>**TỈNH ĐỒNG THÁP** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 92/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 10/10/2018.
V/v "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - xin ly hôn và nuôi con".

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

***- Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà:* Ông **Trịnh Hữu Chinh**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Võ Thị Điệp**
2. Bà **Hồ Thị Mai Hương**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Lê Thanh Tú** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 10 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 473/2018/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2018 về việc "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - xin ly hôn và nuôi con"*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 265A/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Hồ Ngọc T**, sinh năm 1979;

Địa chỉ: ấp 3, xã M H, huyện C L, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: **Lê Ngọc Th**, sinh năm 1978;

Địa chỉ: ấp 3, xã M H, huyện C L, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ nơi cu trú cuối cùng: ấp 3, xã M H, huyện C L, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị T có mặt; anh Th vắng mặt theo Quyết định tuyết bố mất tích số: 10/2018/QĐDS-ST ngày 22/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện C L)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn chị Hồ Ngọc T trình bày:* Chị và anh Lê Ngọc Th chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2010 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M H, huyện C L, tỉnh Đồng Tháp. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc nhưng một thời gian sau thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất

đồng về quan điểm trong cuộc sống, không còn quan tâm lẫn nhau, đến năm 2011 thì anh Th bỏ nhà đi nên vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay.

Năm 2011, anh Th bỏ nhà ra đi, chị và gia đình không biết anh Th đi đâu. Nơi cư trú cuối cùng của anh Th trước khi bỏ nhà đi là: ấp 3, xã M H, huyện C L, tỉnh Đồng Tháp. Do anh Th bỏ nhà đi mà không có tin tức nên chị đã làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố anh Th mất tích. Sau khi thụ lý, Tòa án đã có thông báo trên các Báo và Đài phát thanh Trung ương nhưng vẫn không thấy tin tức của anh Th ở đâu. Ngày 22/6/2018, Tòa án nhân dân huyện C L đã ban hành Quyết định số 10/2018/QĐDS-ST tuyên bố anh Lê Ngọc Th mất tích. Kể từ khi có Quyết định của Tòa án tuyên bố anh Lê Ngọc Th mất tích đến nay chị cũng không thấy anh Th trở về. Nay do tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Th.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Hồ N N, sinh ngày 29/10/2010 và hiện đang sống với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Lê Ngọc Th do đã bỏ đi và đã có Quyết định tuyên bố mất tích nên Tòa án nhân dân huyện C L không thể triệu tập để lấy lời khai và hòa giải được.

**** Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:***

- Giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của chị T (photo);
- Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính);
- Trích lục khai sinh tên Lê Hồ N N (bản sao);
- Đơn yêu cầu xác nhận (bản chính);
- Quyết định số 10/2018/QĐDS-ST của Tòa án nhân dân huyện C L tuyên bố anh Lê Ngọc Th mất tích (bản chính);

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, xét thấy: Căn cứ vào đơn yêu cầu ly hôn của chị Hồ Ngọc T về việc yêu cầu được ly hôn với anh Lê Ngọc Th, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - xin ly hôn và nuôi con*".

[2] Về thẩm quyền, xét thấy: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn và nuôi con giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn là anh Lê Ngọc Th có nơi cư trú cuối cùng trước khi bỏ nhà đi là: ấp 3, xã M H, huyện C L, tỉnh Đồng Tháp, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C L, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại Điều 39 của Bộ luật tố tụng

dân sự.

[3] Về tố tụng, xét thấy: Đối với bị đơn là anh Lê Ngọc Th do đã bỏ đi và đã có Quyết định tuyên bố mất tích của Tòa án, nên xét xử vắng mặt anh Th theo quy định của pháp luật.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn, xét thấy: Chị T và anh Lê Ngọc Th chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2010 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M H, huyện C L, tỉnh Đồng Tháp nên hôn nhân giữa chị T và anh Th là hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc nhưng một thời gian sau thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không còn quan tâm lẫn nhau, đến năm 2011 thì anh Th bỏ nhà đi nên vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Mặt khác, sau khi anh Th bỏ nhà đi, chị T và gia đình không biết anh Th đi đâu và cũng không có tin tức gì về anh Th và ngày 22/6/2018 Tòa án nhân dân huyện C L đã ban hành Quyết định số 10/2018/QĐDS-ST tuyên bố anh Lê Ngọc Th mất tích. Kể từ khi có Quyết định của Tòa án tuyên bố anh Th mất tích đến nay chị T cũng không thấy anh Th trở về. Nay do tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh Th là có căn cứ nên chấp nhận.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Hồ N N, sinh ngày 29/10/2010 và hiện đang sống với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy từ ngày anh Th bỏ nhà đi đến nay chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Ngọc và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu là khi cha mẹ ly hôn nguyện của cháu là được sống với chị T. Vì vậy, yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Ngọc, không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con của chị T là phù hợp với pháp luật nên chấp nhận. Anh Th có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, thì chị T phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai số 0000617 ngày 27/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C L, tỉnh Đồng Tháp.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 68 của Bộ luật dân sự; các Điều 9, 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Hồ Ngọc T.

- Về hôn nhân: Chị Hồ Ngọc T được ly hôn với anh Lê Ngọc Th.

- Về con chung: Chị Hồ Ngọc T được tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Hồ N N, sinh ngày 29/10/2010. Anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị T không có yêu cầu. Anh Th có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Hồ Ngọc T phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai số 0000617 ngày 27/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C L, tỉnh Đồng Tháp.

- Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn này được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKS HCL;
- CCTHADS HCL;
- UBND xã M H;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán-Chủ toạ phiên tòa**

**(đã ký)**

**Trịnh Hữu Chinh**